



### RESULT BRACKETS

R. Round Rank/Score	Name	NOC Code	Semifinals	Finals
1/ 605	葉芷余	KHC	56	葉芷余 (KHC) 45 <b>GOLD</b> 葉芷余 (KHC)
14/ 451	陳佳琳	KHC	30	
4/ 507	孫薇	NTPC	47	孫薇 (NTPC) 40 <b>SILVER</b> 孫薇 (NTPC)
9/ 482	韋如玉	KLC	39	
				陳佳琳 (KHC) 35 <b>BRONZE</b> 韋如玉 (KLC)
				韋如玉 (KLC) 36

Final Rank	
1	葉芷余 KHC
2	孫薇 NTPC
3	韋如玉 KLC
4	陳佳琳 KHC





## RESULTS SUMMARY

Rank	Name	NOC
1	葉芷余	KHC 高雄市
2	孫薇	NTPC 新北市
3	韋如玉	KLC 基隆市
4	陳佳琳	KHC 高雄市
5	蔡佩綺	TNC 臺南市
6	隋昀瑾	NTPC 新北市
7	鄭蘭君	HLH 花蓮縣
8	李昀靜	TCC 臺中市
9	王媛昕	TYC 桃園市
10	劉芯妘	HCH 新竹縣
11	林依健	HCC 新竹市
12	杜詩葦	HCC 新竹市
13	王芯柔	TYC 桃園市
14	林承慧	TPC 臺北市
15	劉詩翎	HCH 新竹縣
16	黃子菱	TCC 臺中市
17	潘明佳	TPC 臺北市
18	沈慈雲	KLC 基隆市
19	林美玲	HLH 花蓮縣
20	林安嫻	TNC 臺南市
21	衛中瑩	CHH 彰化縣
22	石宜仙	CIH 嘉義縣
23	張育琳	YLH 雲林縣
24	莊千慧	CIH 嘉義縣
25	梁羽彤	PTH 屏東縣
26	陳孟妘	NTH 南投縣
27	林佩雯	ELH 宜蘭縣
28	林欣穎	TTH 臺東縣